

Bản án số: 111/2024/HS-PT
Ngày 28 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa.

Ông Vương Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 955/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Hoàng Xuân C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa – ông Vương Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn P - Kiểm sát viên cao cấp.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Xuân C, sinh ngày 18/11/1996, tại Hải Dương; nơi thường trú: Khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Xuân T1 và bà Lê Thị L; anh ruột: 01 người sinh năm 1990; vợ: Phạm Thị B; con có 03

người, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Bảo lĩnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Hoàng Xuân N**, sinh ngày 27/9/1990, tại Hải Dương; nơi thường trú: Tổ B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Số F, ngõ A đường Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Xuân T1 và bà Lê Thị L; em ruột: 01 người sinh năm 1996; vợ: Cao Ánh Q; con có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2023 đến ngày 25/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Bảo lĩnh” đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Hoàng K1** (tên gọi khác: Khải Giọt L1), sinh ngày 05/10/2000, tại Kiên Giang; nơi cư trú: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Hữu P1 và bà Nguyễn Thu T2; anh em ruột 02 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; vợ: Bùi Yến L2; con 01 người sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Kiên Giang, đến ngày 26/9/2022 chấp hành xong (chưa được xóa tiền sự); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Văn T3**, sinh ngày 16/01/1992, tại Hà Tĩnh; nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T4 và bà Võ Thị L3; anh em ruột 02 người, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1995; vợ: Nguyễn Thị K2; con: 01 người sinh năm 2021; tiền án: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong vào ngày 11/5/2020 (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/3/2018, bị Công an thành phố P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” số tiền 750.000 đồng, đã chấp hành xong (đã xóa tiền sự); bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2023 cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 25/02/1994, tại Hà Nam; nơi thường trú: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 02/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị L4; vợ: Trần Thanh T5; con có 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Minh Đ**, sinh ngày 12/6/1992, tại Hà Nam; Nơi thường trú: Thôn F, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Khu phố G, phường D, thành phố

P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị H2; chị ruột: 01 người sinh năm 1990; vợ: Nguyễn Thị Thảo N1; con có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Huỳnh An K3** (tên gọi khác: Cà L5), sinh ngày 26/11/2003, tại Hậu Giang; nơi thường trú: Ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện nay: Khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ bar; trình độ văn hóa: 4/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; cha: Không xác định được, con bà Huỳnh Thị K4; anh em ruột 02 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2013; vợ: Quách Thị Kiều T7; con 01 người sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 24/12/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Kiên Giang, đến ngày 21/11/2022 chấp hành xong (chưa được xóa tiền sự); bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

8. **Huỳnh Học H3** (tên gọi khác: X), sinh ngày 14/6/2004, tại Kiên Giang; nơi thường trú: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ bar; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Minh P2 và bà Trương Thị Mỹ L6; em ruột: 01 người sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. **Nguyễn Thanh V** (tên gọi khác: Đ1), sinh ngày 05/5/1995, tại Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S và bà Thị N2 (chết); anh em ruột: 03 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997; vợ: Nguyễn Thị Ngọc H4, con 02 người, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/4/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. **Lê Tiểu B1** (tên gọi khác: Bảo T8), sinh ngày 22/01/2006, tại Kiên Giang; nơi thường trú: Tổ E, ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ bar; trình độ văn hóa: 3/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lương Tiểu L7 và bà Lê Thị H5; em ruột: 01 người sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 24/5/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. **Lâm Chí T9** (tên gọi khác: S1), sinh ngày 22/10/2006, tại Kiên Giang; nơi thường trú: Khu phố H, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lâm Chư D1 và bà Hoàng Thùy D2; em ruột: 02 người, lớn sinh

năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 15/02/2023 đến ngày 25/5/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tiểu B1:*

Bà Lê Thị H5, sinh năm 1982 – mẹ bị cáo B1. Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo Lâm Chí T9:* Bà Hoàng Thùy D2, sinh năm 1988 – mẹ bị cáo T9. Địa chỉ: Khu phố H, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Tiểu B1 và bị cáo Lâm Chí T9:* Bà Dương Thị T10, Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K, có mặt.

(Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Đình T11 không kháng cáo và không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Xuân N nợ tiền của Trần Văn T12 và ông T12 nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu N trả tiền nhưng N chưa trả. Đến khoảng 21 giờ ngày 12/02/2023, Hoàng Xuân N, Hoàng Xuân C, Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ đang tổ chức uống rượu tại phòng họp của bar D4, địa chỉ: Khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, thì Trần Văn T12 gọi điện thoại đến đòi tiền N, N mở loa điện thoại cho mọi người ngồi chung đều nghe. Qua điện thoại, N và T12 chửi nhau và thách thức đánh nhau.

Hoàng Xuân C và Lê Hoàng K1 lấy điện thoại của N nói chuyện với T12, thì bị Thương chửi thô tục nên hai bên thách thức đánh nhau. Sau đó Hoàng Xuân C điện thoại cho Nguyễn Thanh V kêu V chỉ nhà của T12 cho C biết. Khải rủ Trần Văn T3, Huỳnh An K3, Lê Tiểu B1; K3 rủ thêm Huỳnh Học H3, Lâm Chí T9, Nguyễn Đình T11 là nhân viên bảo vệ quán bar D4; N rủ Nguyễn Văn M và Nguyễn Minh Đ cùng nhau đi đến nhà T12 tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để giải quyết mâu thuẫn.

Trước khi đi N kêu M lấy vỏ chai rượu hiệu Chivas (vỏ thủy tinh, khoảng 7 – 8 vỏ chai) để lên xe Innova màu xám dùng làm hung khí để đánh nhau. Sau đó Hoàng Xuân C điều khiển xe ô tô biển số 30G – 435.23 chở Lê Hoàng K1, Huỳnh An K3 và 02 thanh niên (không rõ họ tên, chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Còn Hoàng Xuân N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1, Lâm Chí T9, Huỳnh Học H3, Nguyễn Đình T11 đi xe taxi Innova màu xám. Khi lên xe, M kêu B1, T9, T11, H3 đưa vỏ chai rượu cho mọi người, tất cả những người ngồi trên xe đều có cầm vỏ chai rượu, riêng V không cầm vỏ chai rượu.

Lê Hoàng K5 đi trên 01 chiếc xe ô tô 04 chỗ màu trắng cùng 05 thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Khi các xe chạy đến khu vực 67 ha thì

dùng xe rước Trần Văn T3 và thêm 03 đến 04 thanh niên khác (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), T3 lên xe ô tô đi cùng với C và mang theo một khẩu súng, lúc này K5 đi qua xe Innova màu xám; K1 điện thoại kêu thêm một chiếc xe taxi 04 chỗ chở 03 đến 04 thanh niên. Sau đó, tất cả chạy đến nhà của T12. Trên đường đi, V giả vờ gọi điện thoại nói lớn cho cả nhóm nghe “anh em gom người, đồ để sẵn khi nào anh em lên là phải có liền”, sau đó V tắt điện thoại và nói lớn cho mọi người đều nghe “không cần nói nhiều, đến nơi là anh em đánh úp sọt xong rồi kéo về”.

Khi đến nhà T12, các xe đậu trước nhà. Tất cả N, C, K1, T3, M, Đ, T11, K3, B1, H3, T9, V xuống xe. V chỉ nhà của T12 cho các bị cáo biết, khi thấy nhà của T12 đóng cửa nên K3, B1, M, Đ, N cầm vỏ chai rượu mang theo ném vào nhà của T12; T3 lấy súng ra bắn 07 phát súng; trong nhóm các bị cáo có người đập vỡ camera; riêng H3, T11, T9 đều có cầm vỏ chai nhưng chưa ném. Sau đó các bị cáo tiếp tục la hét lớn tiếng gây mất an ninh, trật tự khu vực dân cư sinh sống sau đó cả nhóm ra về. Đến ngày 14/02/2023 và ngày 15/02/2023, M, T9, H3, K3, K5, B1, Đ lần lượt đến Cơ quan Công an thành phố Phú Quốc đầu thú; ngày 17/02/2023 và ngày 18/02/2023 N và T3 đến Cơ quan Công an thành phố Phú Quốc đầu thú. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành bắt khẩn cấp đối với K1 và C. Tại Bản kết luận giám định số 1546/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của P3 Bộ C1 kết luận: 07 (bảy) vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn bắn thuộc loại đạn cỡ (9x22)mm, sử dụng cho các loại súng là công cụ hỗ trợ hoặc các loại súng tự chế có cỡ nòng từ 9mm. Không đủ cơ sở kết luận vỏ đạn gửi giám định có phải là vũ khí quân dụng; Bản kết luận giám định số: 1618/KL-KTHS ngày 10/4/2023 của Phân viện Kỹ thuật hình sự Bộ C1 kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết đường vân trên khẩu súng gửi giám định; Phát hiện và thu giữ 02 (hai) dấu vết đường vân đủ yếu tố giám định trên 02 (hai) tờ giấy bọc khẩu súng gửi giám định; Bản kết luận giám định số 1618/KL-KTHS ngày 22/02/2023 của Phân viện Kỹ thuật hình sự Bộ C1 kết luận: Khẩu súng gửi giám định nguyên là súng bắn đạn cao su cỡ (9x22)mm, không có số hiệu. Hiện tại súng không có tim hỏa nên không đủ cơ sở xác định tính năng, tác dụng của súng. Khẩu súng nêu trên không phải là khẩu súng quân dụng; Bản kết luận giám định số 724/KL-KTHS ngày 24/7/2023 của Phân viện Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận: Các dấu vân tay trên mẫu cần giám định và các dấu vân tay trên bộ D3 chỉ bản (mẫu so sánh) không trùng. Vật chứng vụ án gồm: 07 (bảy) vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn bắn thuộc loại đạn cỡ 0,9cm x 2,2cm màu vàng đồng có khắc chữ “YAS GLO OAK 9mm”, đã qua sử dụng; 01 (một) khẩu súng ngắn bằng kim loại màu đen, chiều dài 14cm, trên thân súng có in chữ RECORD; 03 (ba) tờ giấy, mỗi tờ kích thước 23,6cm x 16,6cm đã được dùng hóa chất để phát hiện dấu vết đường vân; Nhiều mảnh thủy tinh có dán nhãn hiệu “CHIIVAS REGAL 18”; 01 (một) vỏ chai thủy tinh nhãn hiệu “CHIIVAS REGAL 18”; 03 (ba) ống sắt dài 1,9m, đường kính 1,2cm, đầu có gắn 01 lưỡi dao dài 10,2cm, 01 lưỡi sắt bằng kim loại bị gỉ sét; 01 (một) chân cố định Camera.

Về phần trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn T12 bị hư hỏng 01 Camera trị giá 1.290.000 đồng và 01 thanh cửa sổ chi phí sửa chữa khoảng 100.000 đồng, nhưng T12 không yêu cầu các bị cáo bồi thường. C và N tự nguyện tạm nộp bồi thường cho T12 mỗi người 2.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 68/CT-VKSTKG – P2 ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Hoàng K1, Trần Văn T3, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Đình T11, Huỳnh Học H3, Huỳnh An K3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Hoàng K1, Trần Văn T3, Huỳnh An K3, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Đình T11, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 31/3/2023;

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/02/2023 đến ngày 25/7/2023;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 14/02/2023);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 14/02/2023);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Học H3 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/02/2023);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T11 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/02/2023);

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 18/02/2023);

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 14/02/2023);

Xử phạt bị cáo Huỳnh An K3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 14/02/2023);

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 4 Điều 98, Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Tiểu B1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 24/5/2023;

Xử phạt bị cáo Lâm Chí T9 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 25/5/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đ2; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/9/2023, bị cáo Hoàng Xuân C, kháng cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi ba con còn nhỏ và người con thứ ba bị bệnh tim bẩm sinh phải điều trị hàng tháng, bị cáo có khả năng tự cải tạo.

- Ngày 28/9/2023, bị cáo Hoàng Xuân N, kháng cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi hai con còn nhỏ, bị cáo có khả năng tự cải tạo.

- Ngày 28/9/2023, bị cáo Lê Tiểu B1 kháng cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, mẹ bị cáo đang bị bệnh không có người chăm sóc nuôi dưỡng.

- Ngày 29/9/2023, bị cáo Nguyễn Thanh V kháng cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có khả năng tự cải tạo.

- Ngày 01/10/2023, bị cáo Huỳnh Học H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đang nuôi dưỡng mẹ già, em nhỏ.

- Ngày 01/10/2023, bị cáo Lê Hoàng K1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có con còn nhỏ.

- Ngày 03/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì bị cáo đang nuôi dưỡng cha già mất khả năng lao động, có hai con còn nhỏ, vợ không có thu nhập ổn định.

- Ngày 03/10/2023, bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo để chăm lo cho cha mẹ già và nuôi dưỡng con còn nhỏ.

- Ngày 03/10/2023, bị cáo Trần Văn T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Ngày 06/10/2023, bị cáo Huỳnh An K3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bản thân là lao động chính và có con còn nhỏ.

- Ngày 10/10/2023, bị cáo Lâm Chí T9 kháng cáo xin được hưởng án treo vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Ngày 28/9/2023, bị cáo Lê Tiểu B1 kháng cáo xin được hưởng áo treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, mẹ bị cáo đang bị bệnh không có người chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Trần Văn T3 và bị cáo Huỳnh An K3 có văn bản rút toàn bộ kháng cáo.

- Bị cáo Hoàng Xuân C giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng áo treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi ba con còn nhỏ và người con thứ ba bị bệnh tim bẩm sinh phải điều trị hàng tháng, bị cáo có khả năng tự cải tạo. Trong thời gian tại ngoại bị cáo có hỗ trợ, giúp Cơ quan điều tra giải quyết một vụ án xảy ra tại thành phố P, tỉnh Kiên Giang ngoài ra bị cáo có cứu giúp một người bị đuổi nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét.

- Bị cáo Hoàng Xuân N giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng áo treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi hai con còn nhỏ, bị cáo có khả năng tự cải tạo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới bị cáo có hỗ trợ, giúp cơ quan Công an thị xã Q một vụ án cướp tài sản. Ngoài ra bị cáo có cứu giúp một người bị đuổi nước được chính quyền địa phương xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương xác nhận. Ngoài ra bị cáo có tham gia trong Quân đội 02 năm từ năm 2008 đến năm 2010 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

- Bị cáo Nguyễn Thanh V giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng áo treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có khả năng tự cải tạo.

- Bị cáo Huỳnh Học H3 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đang nuôi dưỡng mẹ già, em nhỏ.

- Bị cáo Lê Hoàng K1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có con còn nhỏ.

- Bị cáo Nguyễn Văn M giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng áo treo vì bị cáo đang nuôi dưỡng cha già mất khả năng lao động, có hai con còn nhỏ, vợ không có thu nhập ổn định.

- Bị cáo Nguyễn Minh Đ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng áo treo để chăm lo cho cha mẹ già và nuôi dưỡng con còn nhỏ.

- Bị cáo Lâm Chí T9 giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng áo treo vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Bị cáo Lê Tiểu B1 giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng áo treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, mẹ bị cáo đang bị bệnh không có người chăm sóc nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng hình sự; đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng

Xuân N, Lê Hoàng K1, Trần Văn T3, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Huỳnh An K3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 đảm bảo hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là đúng người, đúng tội không oan sai. Xét mức hình phạt theo bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T3 và bị cáo Huỳnh An K3 rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các bị cáo Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lâm Chí T9 có xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm, nên đề nghị xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ngày 02/11/2023 bị cáo Trần Văn T3 có đơn rút toàn bộ kháng cáo; ngày 13/11/2023 bị cáo Huỳnh An K3 có đơn rút toàn bộ kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của các bị cáo Huỳnh An K3, Trần Văn T3 theo quy định tại khoản 3 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ ngày 12/02/2023, các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 đi tìm ông Nguyễn Văn T13 để giải quyết mâu thuẫn. Do không gặp ông T13 và khi nhìn thấy nhà của ông T13 đóng cửa nên các bị cáo K3, B1, M, Đ, N cầm vỏ chai rượu mang theo ném vào nhà của T13; bị cáo T3 lấy súng tự chế bắn nhiều phát súng; sau đó bị cáo tiếp tục la hét lớn tiếng làm mất an ninh, trật tự khu vực tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, rồi cả nhóm bỏ ra về.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến đến trật tự, an toàn xã hội, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét vụ án có đồng phạm với tính chất giản đơn, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.1] Đối với bị cáo Hoàng Xuân C với vai trò là người khởi xướng đến nhà ông T13 để đi tìm ông T13 giải quyết mâu thuẫn và chính vì bị cáo C là người điều khiển xe ô tô chở các bị cáo khác đến nhà ông T13 thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng.

Xét nhân thân bị cáo C chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ ăn ăn hối cải, gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 03 con còn nhỏ và có một cháu đang bị bệnh tim bẩm sinh. Gia đình bị cáo có ông nội là Hoàng Xuân Đ3 và cha ruột Hoàng Xuân T1 được tặng thưởng nhiều Huân chương, huy chương trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới như có công trong việc tích cực hỗ trợ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm xảy ra tại thành phố P, ngoài ra bị cáo đã cứu giúp người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng do bị đuối nước được chính quyền địa phương xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương xác nhận.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo C xin được hưởng án treo thấy rằng: Bị cáo phạm tội với vai trò là người khởi xướng trong việc thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo C xin được hưởng án treo.

[4.2] Đối với Hoàng Xuân N là anh ruột của bị cáo C, khi nghe C khởi xướng việc đi tìm ông T13 để giải quyết mâu thuẫn thì N đã tiếp nhận ý kiến của C và kêu Nguyễn Văn M lấy theo vỏ chai rượu hiệu Chivas bằng thủy tinh mang theo dùng làm hung khí khi có đánh nhau.

Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo N chưa từng vi phạm pháp luật, bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, khi xuất ngũ trở về địa phương bị cáo có chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm tiếp nhận ý kiến của em ruột là bị cáo C, sau khi phạm tội bị cáo N đã tự nguyện ra đầu thú, trong quá trình điều tra bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối

cải, gia đình bị cáo có ông nội Hoàng Xuân Đ3 và cha ruột là Hoàng Xuân T1 được tặng thưởng nhiều Huân chương, huy chương trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N có xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới như tích cực hợp tác tố giác tội phạm xảy ra tại thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã cứu giúp người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng do bị đuổi nước được chính quyền địa phương xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương xác nhận. Do bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N là có căn cứ.

Xét bị cáo Hoàng Xuân N có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật và có nơi cư trú rõ ràng để Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì vậy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo Hoàng Xuân N được hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân N 02 tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời hạn thử thách là 04 năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm 28/02/2024. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là có căn cứ.

[4.3] Đối với bị cáo Lê Hoàng K1 phạm tội với vai trò đồng phạm tích cực chính bị cáo mang theo súng tự chế và bắn nhiều phát trước cửa nhà ông T13, gây mất trật tự công cộng nơi khu dân cư sinh sống. Đồng thời bị cáo K1 đã xúi giục Lê Tiểu B1 là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội.

Xét nhân thân bị cáo có một tiền sự về việc bị bắt đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Khi quyết định hình phạt, Tòa án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo K1 không có tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K1 xin giảm nhẹ hình phạt.

[4.4] Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3 phạm tội với vai trò đồng phạm. Sau khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Thanh V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, đã tự nguyện

ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Khi quyết định hình phạt, Tòa án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo.

[4.5] Đối với các bị cáo Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 do bị xúi giục thực hiện hành vi la hét, gây rối làm mất trật tự công cộng khi các bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Khi quyết định hình phạt, Tòa án sơ thẩm áp dụng các Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 4 Điều 98 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo B1, T9 là đúng quy định của pháp luật.

Xét các bị cáo B1 và T9 tuổi đời còn nhỏ, có quá trình nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật, phạm tội lần đầu; khi phạm tội thì các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải.

Các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy không cần thiết phải bắt các bị cáo Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tiểu B1, xử phạt bị cáo Lâm Chí T9 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời hạn thử thách là 03 năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 28/02/2024. Giao bị cáo Lê Tiểu B1 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Chí T9, xử phạt bị cáo Lâm Chí T9 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời hạn thử thách là 03 năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 28/02/2024. Giao bị cáo Lâm Chí T9 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

- Các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình T11; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của các bị cáo Huỳnh An K3 và Trần Văn T3.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9.

3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

3.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Hoàng Xuân C 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án có trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 14/2/2023 đến ngày 31/3/2023.

3.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 58, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Hoàng Xuân N 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 04 (bốn) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm 28/02/2024.

Giao bị cáo Hoàng Xuân N cho Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Hoàng Xuân N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Hoàng Xuân N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Hoàng Xuân N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Điều 17; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/02/2023.

3.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2023;

3.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2023;

3.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Học H3 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 15/02/2023;

3.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 4 Điều 98, Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Tiểu B1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 03 (ba) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm 28/02/2024.

Giao bị cáo Lê Tiểu B1 cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Tiểu B1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Tiểu B1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Lê Tiểu B1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 4 Điều 98, Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lâm Chí T9 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 03 (ba) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm 28/02/2024.

Giao bị cáo Lâm Chí T9 cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lâm Chí T9 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lâm Chí T9 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Lâm Chí T9 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Mỗi bị cáo Lê Hoàng K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Học H3, Nguyễn Thanh V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Hoàng Xuân C, Hoàng Xuân N, Lê Tiểu B1 và Lâm Chí T9 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình T11; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**